

Thứ hai, ngày 28 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/9/2020		•	
Tuần 28/9-2/10/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên giao dịch tích cực vào đầu tuần. Dòng tiền đầu tư trở lại thị trường khi có 13/19 ngành tăng điểm với thanh khoản tăng mạnh trở lại. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Biên độ giao dịch thu hẹp và độ rộng thị trường tích cực cho thấy dòng tiền đang chảy vào nhóm cổ phiếu Midcap và smallcap. Tâm lý giao dịch cải thiện và dòng tiền đầu tư trở lại thị trường sẽ giúp VN-Index củng cố lại vị thế tại ngưỡng 910 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_2.0%

Phân tích kỹ thuật: CEO_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.23** điểm, đóng cửa **912.50** điểm. HNX-Index **+1.60** điểm, đóng cửa **133.12** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG(+0.99); HPG(+0.60); BID(+0.21); TCB(+0.44); VPB(+0.35).**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.48); VHM(-0.47); VRE (-0.39); PLX(-0.11); GEX (-0.06).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,278 tỷ đồng**, **+15.6%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 3.56 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **247** mã tăng, 69 mã tham chiếu và **159** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-386.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-122.34 tỷ), VRE(-71.1 tỷ) và HPG(-67.7 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-3.51** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **912.50**
Giá trị: 5432.8 tỷ **4.23 (0.47%)**
Khối ngoại (ròng): -383.64 tỷ

HNX-INDEX **133.12**
Giá trị: 560.35 tỷ **1.6 (1.22%)**
Khối ngoại (ròng): -3.51 tỷ

UPCOM-INDEX **61.78**
Giá trị: 0.53 tỷ **0.49 (0.8%)**
Khối ngoại(ròng): 0.67 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.0	-0.70%
Giá vàng	1,852	-0.50%
Tỷ giá USD/VND	23,188	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,980	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	22,009	0.21%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	39.22%
LS TPCP 5 năm	1.4%	-1.75%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HSG	27.9	VNM	122.3
FUEVFN	18.9	VRE	71.1
SSI	10.6	HPG	67.7
DPM	6.9	VHM	59.6
KDH	6.4	CRE	28.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngân Hàng	2.0%	2.0%	7.6%	22.0%	22.0%	11.4%	34.5%
Lãi suất giảm	1.9%	1.9%	10.7%	24.1%	24.1%	20.2%	33.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.9%	1.9%	7.5%	15.0%	15.0%	2.3%	32.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.8%	1.8%	8.5%	18.2%	18.2%	10.9%	31.0%
VN FinSelect	1.8%	1.8%	7.2%	14.4%	14.4%	2.0%	30.7%
Stay-at-home	1.7%	1.7%	6.7%	20.8%	20.8%	26.3%	34.7%
Dầu khí	1.6%	1.6%	5.8%	14.4%	14.4%	-12.5%	40.3%
VN Diamond	1.6%	1.6%	5.8%	16.1%	16.1%	-4.5%	32.0%
Đầu tư công	1.4%	1.4%	8.7%	25.2%	25.2%	18.1%	27.4%
Hàng tiêu dùng	1.3%	1.3%	6.3%	18.1%	18.1%	8.3%	30.3%
Vật liệu Xây dựng	1.3%	1.3%	6.6%	19.5%	19.5%	16.7%	29.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.2%	1.2%	5.6%	16.4%	16.4%	-6.6%	33.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.2%	1.2%	6.0%	18.5%	18.5%	0.2%	30.8%
Corona Avengers	1.1%	1.1%	7.3%	16.5%	16.5%	12.3%	36.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.1%	1.1%	5.5%	15.8%	15.8%	1.6%	29.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.0%	1.0%	6.0%	17.0%	17.0%	4.0%	28.2%
Chiến tranh thương mại	0.8%	0.8%	5.9%	21.6%	21.6%	5.2%	31.4%
Xây dựng	0.4%	0.4%	7.7%	22.9%	22.9%	13.6%	31.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	0.4%	7.5%	18.8%	18.8%	21.4%	22.1%
FTSE Việt Nam	0.2%	0.2%	3.5%	8.9%	8.9%	-2.8%	26.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	0.2%	3.3%	9.4%	9.4%	-5.3%	25.9%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.1%	0.1%	4.3%	20.2%	20.2%	21.1%	30.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.1%	-0.1%	1.2%	15.5%	15.5%	2.2%	25.6%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.1%	4.0%	17.0%	17.0%	5.2%	26.8%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.4%	-0.4%	2.3%	15.2%	15.2%	5.5%	22.3%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.5%	1.5%	6.9%	16.7%	16.7%	-5.4%	34.9%
M31	1.4%	1.4%	4.9%	18.0%	18.0%	2.4%	31.8%
L32	1.4%	1.4%	6.7%	15.4%	15.4%	-6.8%	31.9%
S11	1.4%	1.4%	6.4%	17.5%	17.5%	16.7%	26.8%
M22	1.0%	1.0%	5.0%	14.9%	14.9%	8.8%	26.9%
S21	1.0%	1.0%	8.2%	20.3%	20.3%	3.9%	28.8%
L22	0.8%	0.8%	7.4%	18.9%	18.9%	0.9%	29.0%
L11	0.8%	0.8%	4.9%	15.2%	15.2%	2.2%	25.6%
M12	0.5%	0.5%	4.4%	13.3%	13.3%	1.0%	26.5%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.2%	1.2%	5.9%	15.5%	15.5%	0.3%	29.6%
MID1	1.0%	1.0%	6.7%	20.5%	20.5%	16.2%	26.6%
LOW1	0.8%	0.8%	4.9%	11.5%	11.5%	0.1%	26.7%

INDEX							
VNINDEX	0.0%	0.8%	3.0%	10.1%	10.1%	-5.5%	25.4%
VN30INDEX	0.2%	1.6%	3.7%	10.9%	10.9%	-2.8%	26.7%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	12	13	13	12	23	2
Mục tiêu	9	4	5	8	1	9	0
Rủi ro	3	2	1	2	1	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 28/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.97	-0.70%	1.10%	-8.50%	-22.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.68	-0.57%	0.60%	-8.60%	-25.24%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.03	-0.32%	2.80%	-4.20%	-19.18%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1852.31	-0.50%	-3.10%	-4.00%	23.98%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.71	-0.79%	-8.10%	-15.90%	29.65%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1000.50	-0.20%	-2.20%	8.20%	6.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	542.75	-0.28%	-2.20%	0.60%	3.78%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.92	0.21%	-3.70%	7.90%	9.74%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	180.14	1.74%	1.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.52	0.07%	3.00%	2.30%	0.00%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	113.25	-0.35%	1.10%	-7.20%	-0.13%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6545.00	0.33%	-3.90%	0.20%	13.49%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	517.95	-0.07%	-0.80%	-4.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1748.50	0.49%	-2.50%	-1.50%	0.78%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	112.88	0.95%	-2.60%	-5.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.40	-1.39%	1.90%	16.90%	-20.32%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 37 US cent tương đương 0.9% xuống 41.55 USD/thùng. Dầu thô WTI giảm 39 US cent tương đương 1% xuống 39.86 USD/thùng. Giá dầu giảm chủ yếu bởi số ca mắc Covid-19 tăng tại các nước chủ chốt, làm dấy lên lo ngại về việc hạn chế đi lại. Đồng thời, Iran và Lybia cũng tăng cường xuất khẩu dầu thô. Cùng với đó, Baker Hughes cũng cho biết nhiều công ty năng lượng của Hoa Kỳ tăng thêm dàn khoan trong tuần thứ hai liên tiếp.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.1% lên 1,861.16 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 0.3% xuống 11,861.60 USD/ounce. Các nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước buổi tranh biện đầu tiên trong cuộc đua vào Nhà Trắng giữa Tổng thống Donald Trump và ứng cử viên đảng Dân chủ Joe Biden.

	28/9	% 28/9	25/9	% 25/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	912.50	0.47%	908.27	-0.03%	0.50%	4.47%
S&P 500			3298.46	1.60%	-0.63%	-4.22%
HĐTL S&P500	3317.50	0.92%	3287.25	1.52%	1.30%	-4.39%
Shang- hai	3217.54	-0.06%	3219.42	-0.12%	-3.00%	-3.96%
Euro Stoxx	3195.46	1.86%	3137.06	-0.71%	1.09%	-4.07%

Phân tích kỹ thuật

CEO_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ
- Chỉ báo RSI: trung lập, Xu hướng tăng.

Nhận định: CEO đang có dấu hiệu tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn tại vùng giá 7.0-7.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất. Chỉ báo MACD đang cho thấy dấu hiệu tích cực trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy dấu hiệu bứt phá sau hai kênh Bollinger co hẹp lại trong một thời gian dài. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở ngưỡng giá 7.5 và chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 8.5, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 7.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

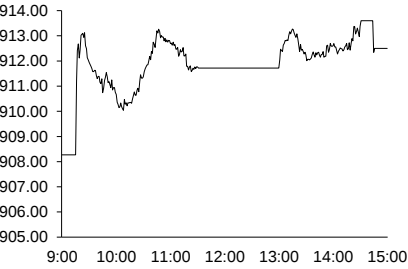
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-1.85%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.75%
Dầu khí	-0.21%
Bất động sản	-0.21%
Du lịch và Giải trí	-0.04%
Y tế	-0.04%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.12%
Xây dựng và Vật liệu	0.18%
Truyền thông	0.24%
Bảo hiểm	0.36%
Thực phẩm và đồ uống	0.42%
Công nghệ Thông tin	0.46%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.53%
Ô tô và phụ tùng	0.88%
Hóa chất	1.16%
Ngân hàng	1.29%
Dịch vụ tài chính	1.37%
Tài nguyên Cơ bản	2.26%
Bán lẻ	2.26%

Hình 1

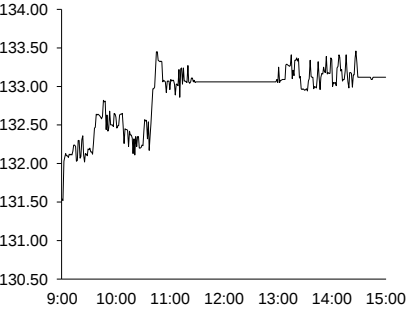
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.65	3	2.64%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	79.9	4	-1.48%	Có thể tiếp tục mua
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	86	5	0.70%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.75	6	2.62%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.3	7	3.25%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6.3	10	3.28%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53	11	-0.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	13.9	12	7.75%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.4	14	1.61%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.15	17	0.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.8	18	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	19.15	19	2.68%	Có thể tiếp tục mua
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	18.5	20	-2.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/4/2020	VCS	67	76	60	67.7	24	1.04%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.3	25	5.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	105.5	28	2.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.8	31	0.85%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.5	32	4.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	102.5	42	4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	22.6	48	15.60%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.9	49	-1.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.69	53	17.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	69.2	56	2.59%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	13.45	89	5.08%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	35.1	96	14.37%	Có thể tiếp tục mua
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.6	104	2.27%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

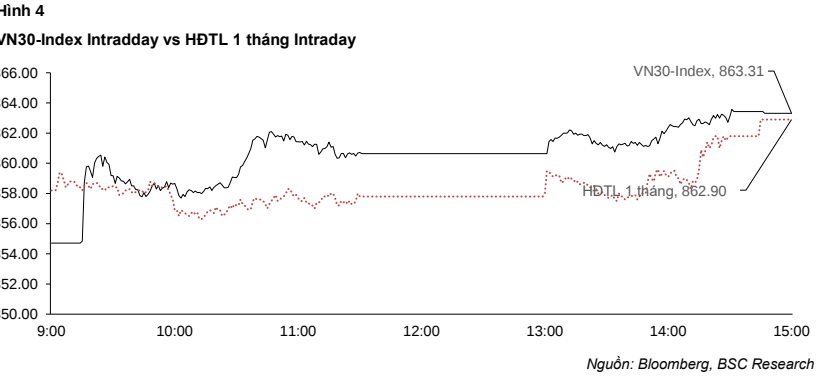
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	TP	31	9.70%

Chú thích:
 Thống kê 7 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	22	4	4.57%	-1.32%	3.67%	32
Cổ phiếu đã chốt	32	21	11.27%	-9.52%	3.03%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	862.90	0.94%	-0.41	-8.4%	92,142	10/15/2020	19
VN30F2011	862.90	1.22%	-0.41	-20.1%	230	11/19/2020	54
VN30F2012	857.90	0.94%	-5.41	-71.2%	226	12/17/2020	82
VN30F2103	854.20	0.61%	-9.11	-70.6%	84	3/18/2021	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 8.60 điểm, lên mức 863.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, STB, VPB, MWG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên ATO, và mở rộng biên độ tăng về cuối phiên chiều lên gần 865 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tăng lên 870 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2010 và VN30F2011 đang giảm, trong khi VN30F2012 và VN30F2103 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 840 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2012	2/8/2021	133	5:1	75,150	42.15%	4,390	5,350	7.43%	5,212	1.03	101,950	80,000	103,000
CVHM2002	11/30/2020	63	1:1	113,180	38.34%	11,500	5,320	-8.59%	4,970	1.07	88,500	77,000	76,600
CHPG2008	11/30/2020	63	1:1	298,160	38.19%	4,100	5,110	14.57%	1,113	4.59	32,100	28,000	26,400
CHPG2009	10/29/2020	31	2:1	127,240	38.19%	1,600	4,900	8.65%	2,037	2.40	25,700	22,500	26,400
CMWG2011	12/18/2020	81	5:1	116,980	42.15%	2,980	4,120	8.42%	3,755	1.10	101,900	87,000	103,000
CSTB2008	11/20/2020	53	1:1	304,540	45.07%	1,500	3,700	6.09%	3,699	1.00	11,700	10,200	13,800
CSTB2009	12/18/2020	81	1:1	367,050	45.07%	1,650	3,450	11.29%	3,171	1.09	12,550	10,900	13,800
CHPG2016	1/14/2021	108	2:1	292,790	38.19%	2,200	3,190	10.76%	937	3.40	31,900	27,500	26,400
CSTB2004	11/30/2020	63	1:1	890,670	45.07%	1,400	3,070	13.70%	3,005	1.02	12,400	11,000	13,800
CVNM2005	10/29/2020	31	10:1	417,760	33.53%	1,500	2,780	1.46%	2,576	1.08	118,000	103,000	128,300
CMBB2003	11/9/2020	42	1:1	163,460	36.57%	2,000	2,480	15.35%	2,336	1.06	20,000	18,000	20,000
CSTB2002	12/16/2020	79	1:1	177,700	45.07%	1,700	2,470	14.88%	2,377	1.04	13,588	11,888	13,800
CHPG2002	12/16/2020	79	2:1	225,730	38.19%	1,700	2,160	12.50%	378	5.71	33,399	29,999	26,400
CVNM2008	1/14/2021	108	10:1	211,200	33.53%	1,800	2,000	-8.68%	1,888	1.06	132,000	114,000	128,300
CHPG2019	12/18/2020	81	2:1	283,850	38.19%	1,630	1,890	8.00%	1,678	1.13	27,360	24,100	26,400
CSTB2005	11/3/2020	36	2:1	531,060	45.07%	1,080	1,120	9.80%	1,080	1.04	13,971	11,811	13,800
CVRE2008	1/14/2021	108	4:1	406,900	45.04%	1,200	1,080	-10.00%	957	1.13	30,800	26,000	27,800
CHPG2018	5/14/2021	228	4:1	512,630	38.19%	1,200	870	10.13%	536	1.62	34,799	29,999	26,400
CHPG2017	2/18/2021	143	4:1	860,210	38.19%	1,000	650	4.84%	435	1.49	32,888	28,888	26,400
CVHM2006	4/27/2021	211	20:1	660,020	38.34%	1,000	560	-5.08%	327	1.71	104,888	84,888	76,600
Tổng				6,376,260	40.21%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 28/9/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CDPM2002 và CMWG2005 tăng mạnh lần lượt là 24.23% và 19.59%. Trái lại, CVRE2005 và CCTD2001 giảm mạnh lần lượt là -19.03% và -12.50%. Giá trị giao dịch tăng 17.62%. CSTB2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.79% thị trường.
- CMBB2005, CMWG2006, CVPB2006, CMWG2009, và CMWG2005 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2009, và CDPM2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	103.0	2.5%	1.2	2,027	2.8	8,348	12.3	3.3	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	62.0	0.0%	1.3	607	1.7	4,629	13.4	3.0	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	49.7	0.4%	1.4	1,604	1.2	1,625	30.6	1.9	28.2%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.0	-0.3%	0.3	292	0.0	2,651	11.3	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	92.8	0.0%	0.8	13,647	0.8	2,336	39.7	3.7	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.8	-2.1%	1.1	2,747	7.2	1,057	26.3	2.3	30.9%	8.9%	
VHM	Bất động sản	76.6	-0.6%	1.3	10,956	6.7	6,686	11.5	3.7	22.1%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.4	1.5%	1.4	234	1.5	658	15.8	0.8	34.9%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	16.9	2.7%	1.3	442	3.8	1,718	9.8	1.0	49.7%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.8	1.8%	1.0	207	0.9	4,110	7.0	1.3	28.2%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.7	2.5%	1.7	275	2.6	1,608	12.9	1.5	49.2%	11.5%	
FPT	Công nghệ	51.1	0.6%	0.8	1,742	2.9	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	49.5	-0.8%	0.4	589	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.2	-1.2%	1.4	6,008	1.3	5,169	14.0	2.6	3.2%	20.5%	
PLX	Dầu khí	51.3	-0.6%	1.5	2,718	0.4	867	59.2	3.1	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.9	2.2%	1.5	289	4.7	1,339	10.4	0.5	9.9%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.3	7.4%	0.8	984	2.0	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	106.0	0.9%	0.5	603	0.0	5,044	21.0	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.6	5.1%	0.4	299	4.8	1,700	10.4	0.8	11.9%	8.9%	
DCM	Hóa chất	11.0	6.8%	0.5	252	2.9	709	15.4	0.9	1.9%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	86.0	0.0%	1.1	13,868	4.7	4,915	17.5	3.6	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	41.3	1.2%	1.3	7,222	3.5	2,132	19.4	2.2	17.5%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	27.2	3.6%	1.2	4,395	14.1	2,995	9.1	1.3	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	23.8	2.1%	1.2	2,523	8.7	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	20.0	2.0%	1.0	2,097	7.5	3,497	5.7	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	22.6	1.8%	1.0	2,124	8.0	2,884	7.8	1.6	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	60.5	0.5%	0.9	215	0.2	5,781	10.5	2.0	82.1%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.7	1.5%	0.4	173	0.0	3,348	10.1	1.6	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.2	0.0%	0.3	697	0.0	356	45.5	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	26.4	2.5%	1.2	3,803	19.9	2,632	10.0	1.7	34.3%	18.1%	
HSG	Thép	16.1	5.6%	1.5	311	11.5	1,767	9.1	1.2	10.0%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	128.3	0.5%	0.8	9,714	12.1	5,538	23.2	7.4	58.4%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	188.0	0.5%	0.8	5,242	0.7	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.7	0.0%	1.0	2,794	1.5	3,255	16.8	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.2	0.0%	0.8	388	2.6	561	27.1	1.2	5.5%	5.1%	
ACV	Vận tải	64.9	2.5%	0.8	6,143	1.1	3,450	18.8	3.8	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.5	-0.1%	1.1	2,403	1.5	3,480	30.3	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.7	0.0%	1.7	1,646	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.8	0.0%	0.9	307	0.5	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.7	3.8%	1.2	167	1.8	2,076	6.6	0.8	20.1%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	67.7	-0.7%	1.0	457	0.6	8,104	8.4	3.2	3.0%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.5	0.0%	0.8	458	0.3	1,363	17.2	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.7	-0.3%	1.0	260	0.5	1,937	8.1	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	69.2	-2.9%	1.1	230	4.7	8,453	8.2	0.6	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.1	0.3%	0.3	187	1.3	1,562	11.6	0.8	35.3%	7.6%	
REE	Điện	40.3	-0.2%	-1.4	543	0.5	4,780	8.4	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	21.6	1.4%	-0.4	150	0.2	2,176	9.9	0.9	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.2	0.0%	0.6	1,033	2.2	933	10.9	0.8	10.7%	8.1%	
NT2	Điện	23.5	-0.4%	0.6	294	0.2	2,685	8.8	1.5	19.0%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.3	0.7%	0.8	292	1.3	1,156	12.4	0.7	19.0%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.8	0%	1.0	1,836	0.2	#N/A	N/A	N/A	2.9	1.7%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	27.15	3.63	0.99	12.01MLN
HPG	26.40	2.52	0.60	17.57MLN
BID	41.30	1.23	0.56	1.95MLN
TCB	22.85	2.01	0.44	2.81MLN
VPB	23.80	2.15	0.35	8.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.48	417070	1.11MLN
VHM	0.00	-0.47	2.02MLN	607060
VRE	0.00	-0.39	5.93MLN	373600
PLX	0.00	-0.11	177110.00	192700
GEX	0.00	-0.06	6.31MLN	611640

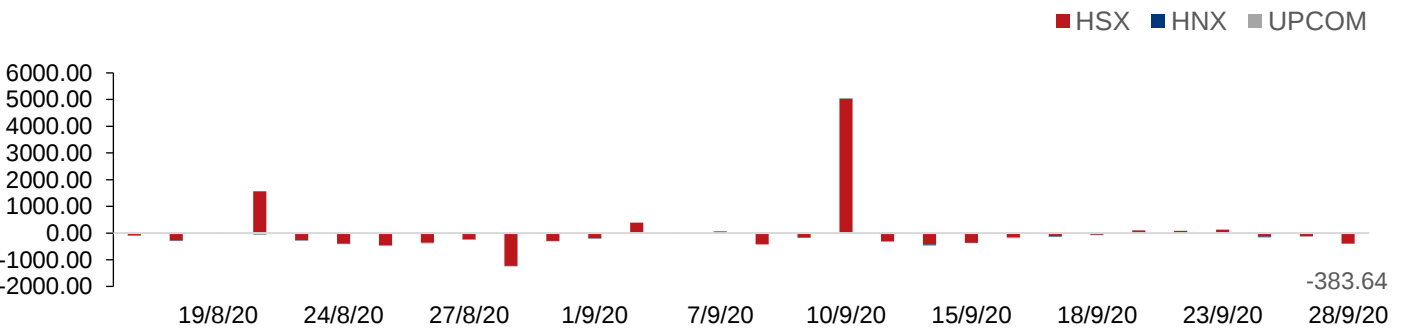
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LSS	6.63	6.94	0.01	218190.00
ASG	41.15	6.88	0.05	91910
FLC	3.42	6.88	0.04	28.62MLN
DCM	10.95	6.83	0.10	6.23MLN
KPF	14.10	6.82	0.01	2010

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	37.95	-6.99	-0.04	3650
HRC	42.70	-6.97	-0.03	10
MCG	1.75	-6.91	0.00	2530.00
VAF	10.20	-6.85	-0.01	20
EMC	16.50	-6.78	-0.01	50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	103.0	8,348	12.3	3.3	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.0	885	9.0	0.6	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	25.6	3,024	8.5	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.9	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.7	3,255	16.8	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	43.0	4,670	9.2	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	16.1	1,767	9.1	1.2	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	26.4	2,632	10.0	1.7	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.9	3,103	7.4	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	102.5	4,105	25.0	8.8	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.4	658	15.8	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	23.2	1,721	13.5	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.2	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.3	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	55.7	4,739	11.8	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.0	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	22.6	2,884	7.8	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.8	5,512	7.9	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.0	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.1	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.3	1,156	12.4	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.0	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.2	1,948	12.4	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	128.3	5,538	23.2	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	103.0	8,348	12.3	3.3	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.4	2,088	9.3	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	106.0	5,044	21.0	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.7	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	62.0	4,629	13.4	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.7	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	204.0	14,782	13.8	5.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
SAB 2020Q3	17/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 193300; Giá tại Publish 188200 Định giá: BSC khuyến nghị THEO DÕI SAB với giá mục tiêu là 193,300 đồng/cp, upside 2.7% so với giá ngày 15/9/2020 dựa trên 2 phương pháp DCF và PE với mức PE mục tiêu là 29x (tăng so với PE mục tiêu là 24x). Chúng tôi nâng định giá PE với kỳ vọng Sabeco phục hồi
PNJ 2020Q3	7/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 65000; Giá tại Publish 60000 Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST của PNJ FY2020E lần lượt là 15,874 tỷ đồng (-6.6% Y/Y) và 881 tỷ đồng (-25.9% Y/Y) tương đương EPS fw 2020E là 3,877 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 15.6x và PB fw = 2.7x. LNST giảm -25.9% YoY so với báo cáo trước là -11.8% YoY do thay đổi giá định
VNM 2020Q3	27/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 122100; Giá tại Publish 118000 Dự báo KQKD: BSC điều chỉnh dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST đạt lần lượt là 60,386 tỷ đồng (+7.2% YoY) và 11,300 tỷ đồng (+6.8% YoY), tương đương EPS fw là 6,043đ , PE fw là 19.3x , PB fw là 5.9x. Thay đổi dự phóng LNST tăng +6.8% so với báo cáo trước (+4.6% YoY) do giả định về tăng biên gộp, giảm chi phí SGA/DTT và tăng doanh thu tài chính.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639